

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2024
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông;

2. Ông Phan Duy Lục;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2024, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn VL, xã CH, huyện VT, tỉnh VP; chỗ ở hiện nay: thôn PN, xã KX, huyện VT, tỉnh VP, (có mặt).

Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn VL, xã CH, huyện VT, tỉnh VP, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải Q vụ án nguyên đơn chị L trình bày: chị và anh Q tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã CH vào ngày 14/12/2011. Sau khi kết hôn chị về sinh sống cùng gia đình anh Q được một thời gian thì vợ chồng chuyển về xã KX thuê trọ để ở và làm ăn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q đi làm nH không đưa tiền cho chị nuôi con và chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Q còn đánh đập chị. Chị và anh Q đã nhiều lần hoà giải nH cả hai không cùng tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị và

anh Q đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, khi ly thân chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình không hoà giải đề vợ chồng đoàn tụ và anh Q không quan tâm đến chị và các con. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phan Mạnh C, sinh năm 2012 và cháu Phan Việt H, sinh năm 2014. Hiện nay, cháu C và cháu H đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức: chị không đề nghị Toà án giải Q;

Bị đơn anh Phan Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải Q vụ án anh trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị L trình bày là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do anh làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn anh không có thu nhập để đưa cho chị L, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài đến cuối năm 2023 trở lên trầm trọng, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh không liên lạc, không chu cấp và cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị L. Nay chị L xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phan Mạnh C, sinh năm 2012 và cháu Phan Việt H, sinh năm 2014. Hiện nay, cháu C và cháu H đang ở cùng chị L. Ly hôn anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản, công sức: anh không đề nghị Toà án giải Q;

Biên bản xác minh ngày 02/7/2024 tại UBND xã CH thể hiện: Chị L và anh Q đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011 tại UBND xã CH trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm anh chị sống ly thân như thế nào địa phương không rõ vì không có báo cáo và không nộp tại địa phương ly hôn qua địa phương. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải Q vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị L, anh Q khai sinh cho 02 con chung là Phan Mạnh C, sinh năm 2012 và Phan Việt H, sinh năm 2014. Chị L, anh Q làm nghề tự do nên thu nhập bình quân cụ thể bao nhiêu địa phương không xác định được. Chị L yêu cầu Tòa án giải Q về con chung, đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của anh chị địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT trình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa nguyên

đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải Q: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị L. Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Phan Văn Q.

Xử về nuôi con chung: giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Mạnh C, sinh năm 2012 và cháu Phan Việt H, sinh năm 2014 đến khi thành niên, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Phan Văn Q, chị L có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q. Bị đơn anh Q có nơi cư trú thôn VL, xã CH, huyện VT, tỉnh VP nên thẩm quyền giải Q vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Phan Văn Q là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã CH, huyện VT đăng ký kết hôn. Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Q đi làm không đưa tiền cho chị nuôi con và chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Q có đánh chị. Mặc dù nhiều lần chị và anh Q đã nói chuyện để vợ chồng hoà thuận cùng nhau làm ăn kinh tế NH không được, dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh Q rơi vào bế tắc trầm trọng hơn. Chị L và anh Q đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Q không quan tâm gì đến nhau, anh Q cũng không hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Chị L xin ly hôn anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Xét đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan

Mạnh C, sinh năm 2012 và cháu Phan Việt H, sinh năm 2014 của chị L là có căn cứ vì từ khi anh chị sống ly thân cháu C, cháu H ở cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh Q không quan tâm cũng như không cấp dưỡng cho chị L nuôi con. Cháu C, cháu H có nguyện vọng sinh sống cùng với chị L. Mặt khác anh Q cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho cháu C và cháu H, giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, cháu H là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị L không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị L, anh Q không yêu cầu giải Q. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Phan Văn Q.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Lương Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phan Mạnh C, sinh năm 2012 và cháu Phan Việt H, sinh năm 2014. Hiện nay cháu C, cháu H đang ở cùng chị L. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Sau khi ly hôn anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004931 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã CH;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Huyền

